

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2019

V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Trần Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Xuân P** - sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Trương Văn M** - sinh năm 1984; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Xuân P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/8/2008. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha mẹ chồng, sau đó ra ở riêng tại khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên đến nay. Trong quá trình sống chung, bản thân chị có chơi cờ bạc, chồng chị phát hiện nên đánh chị, từ đó mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Bản thân chị đã sửa chữa sai lầm, chị và anh M đã vào Sài Gòn làm được 04 năm. Chị không còn đam mê cờ bạc nhưng anh M vẫn đánh chị nên chị đã không sống chung với anh M khoảng 2 tháng kể từ lúc trước khi chị nộp đơn xin ly hôn gửi Tòa án. Bản thân chị thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh M được nữa, hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không thể đoàn tụ. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân giữa chị và anh M có 02 con chung tên Trương Cẩm L – sinh ngày 13/11/2009 và Trương Cẩm N – sinh ngày 14/10/2011. Con chung hiện đang sống cùng ông bà ngoại vì chị và anh M cùng đi làm tại Sài Gòn. Chị có nguyện vọng nuôi cháu N. Còn cháu L do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn M trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị P về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn của anh chị. Anh có đánh vợ mấy tát tai vì biết được năm 2012 chị P dùng vàng cưới để đánh bạc, sau đó đến năm 2016 chị P tiếp tục chơi cờ bạc. Bản thân anh vì nóng giận nên tát tai vợ chứ anh còn thương vợ, đề nghị Tòa án cho anh chị được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị P về phần con chung. Trong thời gian hôn nhân giữa anh và chị P có 02 con chung tên Trương Cẩm L – sinh ngày 13/11/2009 và Trương Cẩm N – sinh ngày 14/10/2011. Con chung hiện đang sống cùng anh chị, nhưng nhờ ông bà ngoại chăm sóc. Nếu chị P vẫn cương quyết ly hôn thì nhờ Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Cháu Trương Cẩm L có bản trình bày: Cháu mong muốn ba mẹ cháu về đoàn tụ sống chung với nhau, nhưng ba mẹ vẫn xin ly hôn thì cháu muốn sống cùng ba. Đây là nguyện vọng của cháu, mong Tòa xem xét.

* Cháu Trương Cẩm N trình bày: Cháu mong muốn ba mẹ cháu về đoàn tụ sống chung với nhau, nhưng ba mẹ vẫn xin ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ. Đây là nguyện vọng của cháu, mong Tòa xem xét.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đặng Thị Xuân P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn M. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị P và anh M xảy ra mâu thuẫn chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/8/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị P đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do chị đánh cờ bạc gây nợ nần nên bị anh M đánh đập. Tuy nhiên từ năm 2016 chị và anh M vào Sài Gòn lao động, chị đã sửa chữa sai lầm, không còn cờ bạc nữa nhưng anh M vẫn nhớ chuyện cũ và thường xuyên đánh đập chị. Hiện nay giữa chị và anh M không còn sống chung, không còn tình cảm, không tin tưởng lẫn nhau. Qua hòa giải anh M cũng thống nhất với trình bày của chị P về tình trạng hôn nhân nhưng xin đoàn tụ vì để nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử thấy giữa chị P và anh M không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, Mặc dù đã sửa chữa sai lầm nhưng tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh M không cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Về con chung: con chung trong thời gian hôn nhân do vợ chồng cùng có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Chị P và anh M có 02 con chung. Chị P có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và nhường quyền nuôi cháu L cho anh M. Tại phiên hòa giải cháu Trương Cẩm L có nguyện vọng sống cùng ba, cháu Trương Cẩm N có nguyện vọng sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của cháu và của nguyên đơn. Giao cháu L cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu N cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: các bên đương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Đặng Thị Xuân P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Đặng Thị Xuân P được ly hôn với anh Trương Văn M.

* Về con chung: Giao cháu Trương Cẩm N – sinh ngày 14/10/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Cẩm L –

sinh ngày 13/11/2009 cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Đặng Thị Xuân P phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0011628 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị P đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã C (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương